

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HS-ST  
Ngày 22-4-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tiêu Thị Vân

Ông Dương Đình Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức H, tên gọi khác: không có; sinh ngày 19/9/1985 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 41 L, phường H, thành phố L; chỗ ở: Số 02/128 P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Đức T, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1952; vợ: Ngô Ngọc D, sinh năm 1987; Con: Có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/9/2010 đánh nhau, xúi giục người khác đánh nhau. Công an TP L lập hồ sơ xử phạt 500.000đ; Bị cáo tại ngoại tại địa phương; có mặt;

2. Ngô Ngọc D, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 25/4/1987 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 68 đường T, phường H, thành phố L; chỗ ở: Số 02/128 P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Ngô Xuân M, sinh năm 1959 và bà Phạm Thu H, sinh năm 1963; chồng: Nguyễn Đức H, sinh năm 1985, con; Có 01 con sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại tại địa phương; có mặt;

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Chị Nông Thị G; địa chỉ: Ngõ 5A, đường T, phường C, thành phố L; vắng mặt.
- Chị Vũ Lan H; địa chỉ: Số 29, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Diệu L; địa chỉ: Số 12 Ngõ Văn Sở, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
- Chị Trần Thị Thu H; địa chỉ: Số 34, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
- Chị Phạm Thị H; địa chỉ: Số 99, đường C, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
- Người làm chứng: Chị Nguyễn Hồng D, chị Nông Thị Thu H. Đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2019, Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D đã cho: Nông Thị Ghi, Vũ Lan H, Nguyễn Thị Diệu L, Trần Thị Thu H, Phạm Thị H vay tổng số tiền 125.000.000đ (đồng) với lãi suất từ 146%/năm đến 180%/năm, gấp 7,3 đến 9 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật dân sự, hưởng lợi bất chính là 46.050.686đ. Số tiền hưởng lợi Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D sử dụng chi tiêu và sinh hoạt chung.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 27/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D khai nhận: Khoảng tháng 01/2019 Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D bàn bạc, thống nhất về việc cho người khác vay tiền lấy lãi. Người vay tiền sẽ liên lạc với Nguyễn Đức H hoặc Ngô Ngọc D rồi trực tiếp đến nhà các bị cáo để làm thủ tục vay. Tùy theo mối quan hệ sẽ cho vay tiền với hình thức và mức lãi khác nhau. Những người đến vay tiền, các bị cáo sẽ ghi lại vào một cuốn sổ, khi trả tiền gốc và lãi thì các bị cáo nhận trực tiếp hoặc nhận qua tài khoản 103003281300 ngân hàng Viettinbank của Ngô Ngọc D, số tiền thu lãi thông qua hoạt động cho vay được sử dụng chung, chi tiêu cho gia đình. Trong thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 8/2019, Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D đã tiến hành cho các khách vay xác định được như sau:

1. Ngày 06/3/2019, Ngô Ngọc D cho Nông Thị G vay: 30.000.000đ, D yêu cầu chị G viết giấy vay tiền nhưng không thể hiện việc tính lãi, không ghi thời gian phải trả tiền nhưng thỏa thuận miệng với chị G lãi suất là 1.500.000đ/10 ngày (tương đương mức lãi suất 5.000đ/triệu/ngày), thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 15/9/2019, sau 193 ngày, chị G đã trả 26.000.000đ tiền lãi, chưa thanh toán được tiền gốc.

Khoản tiền mà Ngô Ngọc D cho Chị Nông Thị G vay trên tương ứng với lãi suất 163,9 %/ năm, gấp 8,2 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với khoản vay 30.000.000đ đã trả lãi 193 ngày thì tiền lãi hợp pháp mà D, H được hưởng là 3.172.602đ; đã thu lợi bất chính là 26.000.000đ - 3.172.062đ = 22.827.398đ.

2. Ngày 11/3/2019, Ngô Ngọc D và Nguyễn Đức H cho chị Vũ Lan H vay số tiền 30.000.000đ, chị H viết giấy vay tiền trong giấy không ghi lãi và ngày trả tiền nhưng D thỏa thuận miệng lãi suất là 1.500.000đ/10 ngày (tương đương mức lãi suất 5.000đ/triệu/ngày), thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 10/6/2019, sau 91 ngày, chị H đã trả 13.500.000đ tiền lãi. Đến ngày 30/7/2019 chị H đã trả được 13.000.000đ tiền gốc.

Khoản tiền chị Vũ Lan H vay trên tương ứng với lãi suất 180,4 %/ năm, gấp 9,0 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với khoản vay 30.000.000đ đã trả lãi 91 ngày thì tiền lãi hợp pháp mà D, H được hưởng là 1.495.890đ; đã thu lợi bất chính là 13.500.000đ - 1.495.890đ = 12.004.110đ.

3. Ngày 27/8/2019, Ngô Ngọc D và Nguyễn Đức H cho chị Nguyễn Thị Diệu L vay số tiền 15.000.000đ thời hạn vay 50 ngày, cắt lãi trước 3.000.000đ, chị L chỉ được nhận 12.000.000đ. Chị L đã trả được 13.700.000đ tiền gốc.

Khoản tiền mà Nguyễn Thị Diệu L vay của Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản vay 50 ngày này tiền lãi hợp pháp mà H và D được hưởng 410.958đ; đã thu lợi bất chính là 3.000.000đ - 410.958đ = 2.589.042đ.

4. Ngày 28/9/2019, chị Trần Thị Thu H gọi điện cho Ngô Ngọc D để vay tiền. Chị H đến nhà thì D không có nhà nên Nguyễn Đức H hướng dẫn chị H viết giấy vay và thỏa thuận miệng về lãi suất số tiền 30.000.000đ trong đó thời hạn vay 50 ngày, cắt lãi trước 6.000.000đ, chị H chỉ được nhận 24.000.000đ. Chị H đã trả được 2.000.000đ tiền gốc.

Khoản tiền mà chị Trần Thị Thu H vay của Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với khoản vay 50 ngày này tiền lãi hợp pháp mà H và D được hưởng 821.917đ; đã thu lợi bất chính là 6.000.000đ - 821.917đ = 5.178.082đ.

5. Ngày 28/9/2019, chị Phạm Thị H gọi điện cho Ngô Ngọc D để vay tiền, Ngô Ngọc D đồng ý. Ngày 30/9/2019, chị H đến nhà và gặp Nguyễn Đức H. H đồng ý cho chị H vay số tiền 20.000.000đ thời hạn vay 50 ngày, cắt lãi trước 4.000.000đ chị H chỉ được nhận 16.000.000đ. Chị H đã trả được 2.000.000đ tiền gốc.

Khoản tiền mà chị Phạm Thị H vay của Nguyễn Đức H tương ứng với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với khoản vay 50 ngày này tiền lãi hợp pháp mà H và D được hưởng 547.945đ; đã thu lợi bất chính là 4.000.000đ - 547.945đ = 3.452.054đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vũ Lan H, Nguyễn Thị Diệu L, Nông Thị G, Trần Thị Thu H, Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Chị Vũ Lan H khai chị được vay của các bị cáo số tiền 30.000.000 đồng, đã trả được 13.000.000 đồng tiền gốc; chị Nguyễn Thị Diệu L khai được vay số tiền 15.000.000 đồng, chị L đã trả được 13.700.000 đồng tiền gốc; Chị Nông Thị G khai vay 30.000.000 đồng, chỉ trả được lãi 26.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc 30.000.000 đồng; chị Trần Thị Thu H khai vay 30.000.000 đồng, cắt lãi trước 6.000.000 đồng, chỉ được nhận 24.000.000 đồng, chị đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc; chị Phạm Thị H khai được vay số tiền 20.000.000 đồng, cắt lãi trước 4.000.000 đồng, chỉ được nhận 16.000.000 đồng, chị đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H mức án từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Ngọc D mức án từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Truy thu đối với các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D số tiền gốc là 30.700.000 đồng;

Truy thu đối với các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 6.449.315 đồng;

Các bị cáo phải liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể trả cho: Chị Nguyễn Thị Diệu L số tiền là 2.589.042 đồng; chị Trần Thị Thu H số tiền 5.179.082 đồng; chị Phạm Thị H số tiền 3.452.054 đồng; Chị Nông Thị G số tiền 22.827.000 đồng; chị Vũ Lan H số tiền 12.004.110 đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ số tiền của các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D phải nộp số tiền còn nợ gốc để truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Diệu L phải nộp số tiền là 1.300.000 đồng; chị Trần Thị Thu H phải nộp số tiền 28.000.000 đồng; chị Phạm Thị H phải nộp số tiền 18.000.000 đồng; chị Vũ Lan H phải nộp số tiền 17.000.000 đồng; Chị Nông Thị G phải nộp số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hứa Thị Nịch thu tại chỗ ở của vợ chồng H, D. Quá trình điều tra không có tên của Nịch ở các sổ sách cho vay tiền, không chuyển tiền vào tài khoản của vợ chồng H, D do đó không liên quan đến vụ án, trả lại cho chị Hứa Thị N.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản 03 tài khoản ngân hàng của các bị cáo để đảm bảo thi hành án. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước điện thoại Iphone thu của Ngô Ngọc D.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận lại với đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2019 các bị cáo đã giao dịch với Chị Nông Thị G, chị Vũ Lan H, chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Trần Thị Thu H, chị Phạm Thị H. Các bị cáo cho vay với mức lãi xuất từ 146%/năm đến 180%/năm, gấp 7,3 đến 9 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, thu lợi bất chính tổng số tiền 46.050.686 đồng (vượt mức cho phép quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự). Do đó, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn, phải chịu trách nhiệm hậu quả chung, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng pháp luật nghiêm cấm nhưng do háms lợi và coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên, để có mức án thỏa đáng còn phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo, trên cơ sở xem xét lời đề nghị, luận tội của Viện kiểm sát.

[4] Xét về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án. Ngày 15/9/2010 bị cáo Nguyễn Đức H có hành vi đánh nhau, xúi giục người khác đánh nhau, công an thành phố L lập hồ sơ xử phạt 500.000đồng.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, xét thấy đến nay, các bị cáo không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, đã thực sự hối cải, có khả năng tự cải tạo vì vậy thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo gần ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp qua đó để bị cáo có thời gian cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời bảo đảm tính giáo dục chung và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói riêng. Qua xác minh thấy rằng bị cáo không có công việc ổn định, không sở hữu tài sản riêng nên xét thấy không cần thiết phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hình phạt bổ sung: Cần phạt mỗi bị cáo 30.000.000 đồng mới đủ sức răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[8] Đối với số tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho các bị cáo 30.700.000 là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung để công quỹ Nhà nước; đối với số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự 6.449.315 đồng tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay tiền, do đó các bị cáo phải liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cụ thể: Trả lại cho chị Nguyễn Thị Diệu L số tiền là 2.589.042 đồng; chị Trần Thị Thu H số tiền 5.179.082 đồng; chị Phạm Thị H số tiền 3.452.054 đồng; Chị Nông Thị G số tiền 22.827.000 đồng; chị Vũ Lan H số tiền 12.004.110 đồng.

[10] Quá trình điều tra đã xác định những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D nhưng hiện chưa trả hết gốc cho các bị cáo. Đây là số tiền các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, là giao dịch dân sự vô hiệu, các bị cáo và người liên quan phải trả lại tiền cho nhau đã nhận, buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Diệu L phải nộp số tiền là 1.300.000 đồng; Chị Trần Thị Thu H phải nộp số tiền 28.000.000 đồng; Chị Phạm Thị H phải nộp số tiền 18.000.000 đồng; Chị Vũ Lan H phải nộp số tiền 17.000.000 đồng; Chị Nông Thị G phải nộp số tiền 30.000.000 đồng;

[11] Đối với hành vi vay tiền của Nguyễn Thị Thu H, Sầm Thị T, Nguyễn Đức T, Đinh Thị Minh H, Phạm Thị H, Đào Ngọc B và Trần Thị Thu H. Quá trình điều tra làm rõ: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức T, Sầm Thị T, Lê Thị P không có mặt tại địa phương; Đinh Thị Minh H (bán nhà từ đầu năm 2019 hiện không biết ở đâu), Đào Ngọc B không xác minh được nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Đối với hình ảnh chụp lại danh sách những người vay tiền được lưu trong điện thoại Iphone XS MAX của Ngô Ngọc D chỉ có tên người vay, số tiền vay ngoài ra không có thông tin cá nhân nào khác, bản thân các bị cáo khai không nhớ nên không đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[13] Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa đối với: Tài khoản số 103003281300 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) Chi nhánh L mang tên Ngô Ngọc D số tiền trong tài khoản 16.464.534đ theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 02/LPTTK-CQĐT (ĐTTH) ngày 02/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 03/10/2019; tài khoản số 100004323273 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) Chi nhánh Lạng Sơn mang tên Nguyễn Đức H số tiền trong tài khoản 17.015.074đ theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPTTK-CQĐT (ĐTTH) ngày 03/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 03/10/2019; tài khoản số 351.10.000.566014 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIBV) Chi nhánh L mang tên Nguyễn Đức H số tiền trong tài khoản 133.915đ theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 04/LPTTK-CQĐT (ĐTTH) ngày 02/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 03/10/2019 để đảm bảo thi hành án.

[14] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hứa Thị Nịch. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho chị Hứa Thị Nịch.

[15] Đối với chiếc điện thoại điện thoại Iphone XS MAX thu của bị cáo Ngô Ngọc D liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà Nước.

[16] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về chứng cứ tài liệu, vật chứng trong vụ án được thu thập, bảo quản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[17] Xét lời luận tội và mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Về hướng xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định; các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ theo khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36, Điều 47; Điều 48, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 123, 131 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Đức H.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ngô Ngọc D cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập của bị cáo Ngô Ngọc D.

- Phạt bổ sung bị cáo Ngô Ngọc D 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D số tiền gốc cho vay lãi nặng là: **30.700.000** đồng; cụ thể bị cáo Nguyễn Đức H phải nộp 15.350.000 đồng; bị cáo Ngô Ngọc D phải nộp 15.350.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3.2. Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định số tiền là: **6.449.315** đồng; cụ thể bị cáo Nguyễn Đức H phải nộp 3.224.657 đồng; bị cáo Ngô Ngọc D phải nộp 3.224.658 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tổng số tiền là **46.050.686** đồng, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm trả 1/2; cụ thể:

- Trả cho chị Nguyễn Thị Diệu L số tiền là 2.589.041 đồng;
- Trả cho chị Trần Thị Thu H số tiền 5.178.082 đồng;
- Trả cho chị Phạm Thị H số tiền 3.452.055 đồng;
- Trả cho Chị Nông Thị G số tiền 22.827.397 đồng;
- Trả cho chị Vũ Lan H số tiền 12.004.110 đồng;

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự. Lãi suất phát sinh chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3.4 Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ số tiền của các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D phải nộp số tiền còn nợ để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị Diệu L phải nộp số tiền 1.300.000 đồng;
- Chị Trần Thị Thu H phải nộp số tiền 28.000.000 đồng;
- Chị Phạm Thị H phải nộp số tiền 18.000.000 đồng;
- Chị Vũ Lan H phải nộp số tiền 17.000.000 đồng;
- Chị Nông Thị G phải nộp số tiền 30.000.000 đồng;

#### 4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hứa Thị N cho chị Hứa Thị N.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà Nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX, màu vàng hồng.

*(Vật chứng nói trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng*

ngày 21/02/2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự phố Lạng Sơn).

- Duyệt lệnh phong tỏa đối với: Tài khoản số 103003281300 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) Chi nhánh Lạng Sơn mang tên Ngô Ngọc D số tiền trong tài khoản 16.464.534đ theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 02/LPTTK-CQĐT (ĐTTH) ngày 02/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 03/10/2019; tài khoản số 100004323273 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) Chi nhánh L mang tên Nguyễn Đức H số tiền trong tài khoản 17.015.074đ theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPTTK-CQĐT (ĐTTH) ngày 03/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 03/10/2019; tài khoản số 351.10.000.566014 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIBV) Chi nhánh L mang tên Nguyễn Đức H số tiền trong tài khoản 133.915đ theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 04/LPTTK-CQĐT (ĐTTH) ngày 02/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 03/10/2019 để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức H và Ngô Ngọc D mỗi người phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng bị cáo Nguyễn Đức H phải nộp số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) bị cáo Ngô Ngọc D phải nộp số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước;

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Đức H, Ngô Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Trần Thị Thu H, chị Phạm Thị H, chị Vũ Lan H, Chị Nông Thị G vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, người QQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Huyền**

